

Day & học

Số 36 - tháng 06 | 2021

TOÀN DIỆN

**GIÚP HỌC SINH
VƯỢT QUA NỖ LO
THI CỬ**

**SỬ DỤNG DỮ
LIỆU ĐỂ HỖ
TRỢ HỌC SINH**

**CHẤM ĐIỂM CÔNG
BẰNG HƠN - QUAN
TRỌNG NHƯNG
THỰC SỰ KHÓ NÓI,
VÌ SAO?**

**KHUNG PHÁT TRIỂN
KỸ NĂNG TOÀN DIỆN
CỦA TỔ CHỨC LEGO**



Số 36: Toàn diện

Quản lý Giáo dục

CHẤM ĐIỂM CÔNG BẰNG HƠN - QUAN TRỌNG
NHƯNG THỰC SỰ KHÓ NÓI, VÌ SAO? 06

Minh Trang dịch

Học thế nào

GIẢI MÃ KHOA HỌC CỦA ĐỘNG LỰC 11

LISA lược dịch

Dạy thế nào

8 CÁCH ĐỂ DẠY VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG
CÁC LỚP HỌC..... 14

Minh Khuê dịch

BA GIẢI PHÁP ĐỂ LÒNG GHÉP SEL
VÀO BÀI GIẢNG..... 18

Cầm Khương dịch

SỬ DỤNG DỮ LIỆU ĐỂ HỖ TRỢ HỌC SINH 22

Ngô Thị Thanh Tùng dịch

GIÚP HỌC SINH VƯỢT QUA NỖ LO THI CỬ 26

Thùy Anh lược dịch

Từ thực địa

GIẢNG DẠY CHO CÁC LỚP HỌC

TRỘN ĐỘ TUỔI 29

Minh Trang dịch

Cải tổ Giáo dục

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 19:

KHUNG KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN

CỦA TỔ CHỨC LEGO 34

Việt Anh

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới **Đạy và Học** muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung **Đạy và Học** có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Đạy & Học**



“**Đạy&Học** giống như một nguồn dinh dưỡng quý báu cho những ai quan tâm tới giáo dục, bất kể trong bối cảnh gia đình, nhà trường, hay xã hội.”

- Th.S Ngô Huy Tâm

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Các tiếp cận giáo dục hiện đại không chỉ dừng lại ở việc đào tạo kiến thức mà đang ngày càng hướng tới việc tập trung vào toàn diện mọi khía cạnh của đứa trẻ. **Đạy&Học số 36** với tựa đề **“Toàn diện”** sẽ cùng xem xét một số cách thức mà giáo viên, nhà trường có thể ứng dụng để đạt tới mục tiêu này.

Giảng dạy các kỹ năng cảm xúc - xã hội vẫn luôn là trọng tâm mỗi khi nhắc tới giáo dục toàn diện, **“Ba giải pháp để lồng ghép SEL vào bài giảng”** đem tới những chỉ dẫn cụ thể cho giáo viên để biến các kỹ năng đó thành một phần của các tiết học thông thường. Tiếp đó, **“Giải mã khoa học của động lực”** gợi ý những cách thức để cân bằng hai loại động lực là động lực tiếp cận và động lực tránh né, giúp trẻ có những trải nghiệm học tập trọn vẹn nhất.

Trong thời điểm của các cuộc thi chuyển cấp, **Đạy&Học số** này cũng xin gửi tới quý vị một số bài viết xoay quanh chủ đề thi cử và đánh giá. **“Chấm điểm công bằng hơn - quan trọng nhưng thực sự khó nói, vì sao?”** và **“Sử dụng dữ liệu để hỗ trợ học sinh”** là hai bài viết bàn luận làm sao để có thể đánh giá kết quả học tập một cách “toàn diện” nhất. Còn **“Giúp học sinh vượt qua nỗi lo thi cử”** nhắc nhở giáo viên chú ý tới cả khía cạnh tinh thần của học sinh.

Ở những chủ đề mới mẻ hơn, **“8 cách để giảng dạy về biến đổi khí hậu trong lớp học”** là những gợi ý hữu ích cho một tiết học trải nghiệm thú vị. Và **“Giảng dạy cho các lớp học trộn độ tuổi”** là những tâm sự của một giáo viên đang giảng dạy một lớp học có các học sinh ở các độ tuổi khác nhau. Cuối cùng, framework giáo dục kỳ này - **Khung Phát triển Kỹ năng Toàn diện của Tổ chức LEGO** - sẽ mang tới cho quý bạn đọc những hiểu biết toàn diện về giáo dục “toàn diện”.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





CHẤM ĐIỂM CÔNG BẰNG HƠN - QUAN TRỌNG NHƯNG THỰC SỰ KHÓ NÓI, VÌ SAO?

Joe Feldman | Minh Trang dịch

(Đây là bài viết đầu tiên trong loạt bài gồm phần về các phương pháp chấm điểm công bằng. Bài viết này đặt ra một số thách thức. Cách giáo viên giải quyết các vấn đề nêu trên sẽ được bàn luận trong phần hai của bài viết.)

Điểm số không thể hiện được bất kỳ điều gì. Trên thực tế, nó không nên thể hiện bất kỳ điều gì.

Mallory vừa kết thúc năm công tác đầu tiên dưới cương vị hiệu trưởng của Trường trung học dự bị Đại học Centennial, một trường bán công mới mở ở Huntington Park, California. Là một phụ nữ da trắng trẻ tuổi đứng đầu một trường học có phần lớn học sinh là người Latino, nhiều em trong số đó sống dưới mức nghèo khổ, Mallory đã tiếp cận vị trí này một cách khiêm nhường thay vì ngay tức khắc đẩy nhanh thực thi các sáng

kiến và thay đổi chính sách sao cho phù hợp với tầm nhìn cá nhân của mình (cô gọi nó là “cảnh sát trường mới trong cách tiếp cận thị trấn”). Ưu tiên của cô là tìm hiểu cộng đồng trong phạm vi trường của mình từ hiện trạng, lịch sử, thể mạnh đến nhu cầu của cộng đồng. Cô quan sát, lắng nghe và xây dựng mối quan hệ với giảng viên, học sinh và gia đình của họ. Cô ghé thăm các lớp học, xem lại giáo án của các giáo viên, nghiên cứu số liệu thống kê của trường: tỷ lệ đi học, danh sách học sinh bị kỷ luật và điểm kiểm tra.

Không cứ dữ liệu “cứng” như điểm kiểm tra hay dữ liệu “mềm” khi cô tham gia thực nghiệm và quan sát tương tác trên lớp giữa giáo viên và học sinh, Mallory vẫn luôn theo dõi sát sao cách để trường học trở nên công bằng hơn. Mallory hướng đến việc các học sinh phải có cơ hội thành công như nhau bất kể sắc tộc, ngôn ngữ mẹ, giới tính, thu nhập hay nhu cầu cá nhân đặc biệt khác.

Cô dành sự quan tâm tới các cơ hội và thành tích không đồng đều trong trường. Ví dụ, các em nam thường được giới thiệu lên văn phòng nhiều hơn? Các học sinh kém hơn đều gặp khó khăn trong các bài kiểm tra viết? Hay học sinh nhận các dịch vụ giáo dục đặc biệt có tỷ lệ nghỉ học cao hơn?

Nhưng đó không phải là tất cả. Đối với Mallory, một trong những minh chứng rõ ràng nhất cho một trường học chất lượng và công bằng là học sinh thành công không kể giáo viên của họ là ai.

Học sinh của một giáo viên không nên học tài liệu khác hoặc chuẩn bị thiếu chu đáo hơn học sinh của giáo viên khác. May mắn thay, nhờ những lần dự khán lớp học và các dữ liệu khác, Mallory thấy rằng tuy các giáo viên có cách tiếp cận công việc theo nhiều cách khác nhau, phản ánh nền tảng và cá tính riêng nhưng trải nghiệm học tập của học sinh ở tất cả các lớp nói chung vẫn nhất quán. Học sinh trong cùng một khóa học do 2 giáo viên khác nhau giảng dạy, chẳng hạn như ở lớp tiếng Anh khối 6 của Cô Thompson và Cô Richardson, tất cả các em học sinh đều được học các kỹ năng giống nhau, đọc cùng một cuốn sách và bài luận, bài tập về nhà giao về như nhau, nhận được sự giúp đỡ tương tự và bài kiểm tra cũng như nhau. Mallory tin tưởng rằng dù học giáo viên nào, học sinh đều được chuẩn bị đồng đều nhất cho môn tiếng Anh lớp 7.

Vì các giáo viên bám sát chương trình và phương pháp giảng dạy của mình và cũng vì trường học không theo dõi sát sao học sinh hay tạo ra một hệ thống lớp học thiếu cân đối mà ở đó một lớp Tiếng Anh lớp 6 sẽ nổi bật hơn các lớp khác. Mallory lý giải rằng thành tích của học sinh phải có thể so sánh giữa các giáo viên giảng dạy cùng một khóa học. Nói cách khác, tỉ lệ điểm A, B, C, D và F trong bất kỳ khóa học nào cũng cần tương đối đồng bộ giữa các giáo viên phụ trách giảng dạy môn học đó. Nhận thức là vậy, nhưng điều này không được đáp ứng ở hiện tại. Số liệu dưới

đây xuất hiện nhiều điểm bất hợp lý.

Lấy ví dụ các lớp toán và tiếng Anh lớp 6 của trường cô, mỗi lớp do 3 giáo viên khác nhau:

[bảng]

Nếu bạn là học sinh của 2 trong số 3 lớp toán của giáo viên, bạn có khoảng 20% cơ hội nhận điểm D hoặc F, nhưng nếu bạn đang học lớp toán của giáo viên thứ 3, bạn có 0% cơ hội nhận điểm D hoặc F. Trong các lớp tiếng Anh giảng dạy bởi 3 giáo viên khác nhau tính cả Cô Richardson và Cô Thompson, tỷ lệ điểm D và F là 4%, 22% và 35%, thậm chí còn lớn hơn thế. Mallory đã kiểm tra lại dữ liệu điểm, sau đó kiểm tra lại để chắc chắn học sinh ở các lớp không sự khác biệt quá lớn, tức là, học sinh của r một giáo viên trong nhóm không nhận điểm kiểm tra thấp hơn hoặc nghỉ học quá nhiều. Không sai, tất cả nhóm đều như nhau; khác biệt duy nhất giữa các lớp có vẻ như là cơ hội cho các em nhận một điểm số cụ thể nào đó.

Mallory “đội chiếc mũ thám tử” của mình và xem xét, nghiên cứu và sau đó bác bỏ hàng tá những biện hộ: Không tồn tại điểm khác nhau then chốt trong giảng dạy. Giáo viên sử dụng chung một khung chương trình đồng nhất với bài kiểm tra và thậm chí việc chấm bài cũng được tiến hành dưới hình thức một hội đồng để đảm bảo tính công bằng và thống nhất trong khâu đánh giá. Mallory rà soát điểm kiểm tra và thứ hạng trước đây của học sinh, không có dấu hiệu nào thể hiện sự khác nhau rõ rệt giữa tổng thể các lớp với nhau. Cơ sở vật chất ở các lớp học đồng đều - không có chuyện một lớp bị hỏng điều hòa hoặc ở sát sân chơi ồn ào hơn. Điều thậm chí còn tệ hơn là những học sinh có điểm kiểm tra giống hệt nhau lại nhận được điểm số khác nhau tùy thuộc vào giáo viên lớp mình. Các giáo viên truyền dạy cùng một lượng kiến thức, học sinh cũng thể hiện thành tích tương tự, nhưng điểm số lại không nhất quán. Dữ liệu này dường như không thể lý giải, không thể và hoàn toàn không công bằng.

Mallory nhìn vào giáo trình của mỗi lớp - phiên bản cá nhân hóa của từng giáo viên, cô đã sốc. Phần mở đầu và mô tả các tài liệu quan trọng dùng cho môn học của các giáo trình tương tự nhau nhưng phần sau đó thì cứ như thể mỗi người đang dạy ở một trường khác nhau vậy:

Một giáo viên không nhận bài tập về nhà nộp sau chuông báo, một vài giáo viên trừ điểm nếu nộp bài tập muộn (dù chỉ là một, hai điểm hay điểm trừ tới hai chữ số thì đều là vấn đề); một số khác chấp nhận việc nộp bài tập quá hạn, thậm chí tới tận cuối khóa mà không có bất cứ hình phạt nào.

Một giáo viên dựa trên mức độ hoàn thành và chính xác của bài tập về nhà để chấm điểm theo thang % (10%-100%), đồng thời cho những học sinh nào chỉ nhận được 10% một tuần để chữa lỗi sai. Một số giáo viên khác vẫn cho điểm học sinh nếu nhận thấy em đó đã nỗ lực hoàn thành bài tập mà không tính đến độ chính xác của các đáp án.

Một giáo viên trừ điểm nếu học sinh không ghi đủ và chính xác họ và đầu đề bài tập của mình. Một trường hợp khác sẽ nhận điểm trừ là nộp bài tập trên giấy vở có lỗ thủng hoặc rách mép.

Phần lớn giáo viên sắp xếp số điểm bằng cách nhóm bài tập thành danh mục (BTVN, bài trên lớp hay bài kiểm tra,...), sau đó tính trọng số để biểu thị mức độ quan trọng của từng loại (BTVN = 30% tổng điểm; bài kiểm tra = 70%). Tuy nhiên, không phải giáo viên nào cũng có thang đánh giá điểm như nhau, ví dụ như điểm bài kiểm tra dao động trong khoảng 40 đến 70% tổng điểm của một học sinh.

Một số giáo viên chỉ có 3 loại bài tập (bài kiểm tra, bài trên lớp và BTVN), trong khi một số khác lại có thêm các hạng mục đánh giá có vẻ chủ quan hơn cho tinh thần tương hỗ, thái độ hăng

hái xây dựng bài và nỗ lực hoàn thành bài. Đối với các hạng mục xét điểm chủ quan trên, giáo án chưa đưa ra được một cách đánh giá cụ thể cũng như tiêu chí chấm điểm của giáo viên.

Một số giáo viên không sử dụng thang % để chấm điểm mà sử dụng nhiều thang điểm khác nhau đối với riêng từng loại bài tập, ví dụ thang điểm từ 5 đến 10 tùy loại BTVN, trong khi đối với bài kiểm tra là 100.

Sự không thống nhất trong cách chấm điểm của các giáo viên hoàn toàn có thể dẫn đến việc 2 học sinh có học lực tương đương nhau nhận điểm số khác nhau. Điều đặc biệt khiến Mallory bối rối và lo ngại đó là các tiêu chí đánh giá của một vài giáo viên dường như không dựa trên thành tích học tập của học sinh mà dựa trên một số tiêu chí khác như giấy kiểm tra có bị rách không, có tiêu đề chuẩn chỉ hay không. Một số khác chấm điểm dựa trên các tiêu chí chủ quan như nỗ lực hoàn thành bài tập - một tiêu chí dễ bị tác động bởi những thành kiến ngầm của giáo viên. Dữ liệu điểm không thể tự nhiên mà xuất hiện khác biệt như vậy.

Một số chuyện xảy ra vài ngày sau đó khiến Mallory trở nên hoang mang và lo lắng hơn khi Maria, một học sinh lớp 8 rụt rè nhưng rất ngoan mếu máo đến văn phòng cô. Năm ngoái học lớp 7, cô bé nhận được điểm B môn toán - môn học khó nhất đối với cô, nhưng năm nay cô chỉ suýt soát qua môn với điểm D. Điều khiến Maria vô cùng thất vọng là dù cô bé thường nộp trễ hoặc không hoàn thành BTVN vì phải làm việc nhà và tham gia lớp khiêu vũ 3 buổi 1 tuần, nhưng cô luôn đạt thành tích tốt trong mọi kỳ thi. Cô bé rõ ràng có học bài và thể hiện điều đó trong những kỳ thi. Năm ngoái em nhận được điểm B nhưng năm nay, vì điểm 0 phần BTVN do nộp muộn và chưa hoàn thành nên em chỉ nhận được điểm D. Maria rơi vào vào cuộc khủng hoảng niềm tin khi nhiều bạn khác không tự làm mà chép bài chỉ

để nộp bài tập đúng hạn - điều tối kỵ đối với em, nhưng em có lựa chọn khác? Hay giáo viên năm ngoái dạy em đã dối em về khả năng toán học của chính em? Thực lực môn toán của em phải chẳng không như em tưởng? Hay cô giáo năm nay có thành kiến với em?

Đối với Mallory, sự không thống nhất trong cách đánh giá của giáo viên không còn là một tình huống khó xử về mặt lý thuyết. Nhà trường đã dành nhiều tháng để lên kế hoạch và điều chỉnh chương trình nhằm đảm bảo các giáo viên tổ toán dạy tuần tự theo đúng chương trình; đồng thời, mỗi giáo viên phải đảm bảo trang bị cho học sinh đầy đủ kiến thức để bước vào năm học tiếp theo - việc này gọi là “đồng bộ hàng dọc”. Vậy nhưng, khác biệt trong cách chấm điểm đã hoàn toàn gạt bỏ nỗ lực này, gửi đi những thông điệp khó hiểu về việc học, tác động đến điểm số, tỷ lệ lên lớp cũng như niềm tin của học sinh về trường học, thậm chí về cả bản thân của mình.

Mallory đã có buổi trao đổi với các giáo viên về những gì đang xảy ra. Năm trước, cô chủ trì nhiều buổi nói chuyện - một số gặp khá nhiều khó khăn và gượng gạo - với các giáo viên về chương trình giảng dạy, chiến lược giảng dạy, trách nhiệm nghề nghiệp, thậm chí cả cách đánh giá. Cô chắc đã tiên liệu được phản ứng ngạc nhiên y hệt mình của các giáo viên khi xem dữ liệu và sẽ xem xét lại cách chấm điểm của mình.

Nhưng tiếp đó, cô chịu cú sốc thứ hai bởi lẽ việc trao đổi với giáo viên về vấn đề điểm số như thể hành động chọc vào tổ ong bắp cày vậy. Cô không thể lường trước diễn biến của một cuộc trò chuyện về cách chấm điểm của giáo viên. Nhiều giáo viên trước đây luôn cởi mở lắng nghe các đóng góp và đề xuất mới về gần như mọi khía cạnh về cách giảng dạy, đã lại thể hiện thái độ phòng thủ và cứng nhắc. Các giáo viên nhận phản hồi kém tích cực lại tự hào biện hộ rằng cách chấm điểm chặt chẽ của họ phản ánh yêu cầu cao và khắt

khe của cá nhân họ và đó mới là “giáo viên thực thụ”. Một giáo viên nhận được phản hồi tích cực hơn giải thích rằng anh ta là người duy nhất yêu thương học sinh đủ để trao cho chúng nhiều cơ hội, không chỉ cơ hội kiểm tra lại mà còn nhiều “cơ hội thứ hai” khác nữa. Một giáo viên chỉ đơn giản từ chối thảo luận về vấn đề này, viện dẫn Bộ luật Giáo dục của bang đã bảo vệ giáo viên khỏi áp lực thay đổi và không điểm từ ban giám hiệu nhà trường. Một giáo viên bắt đầu khóc và thú nhận việc mình chưa được đào tạo hay hỗ trợ về quy cách chấm điểm. Cô sợ mình đang chấm điểm cho các em một cách thiếu công bằng. Những cuộc trò chuyện về quy cách chấm điểm chẳng bao giờ giống với những cuộc trò chuyện về quản lý lớp học hay thiết kế đánh giá khi giáo viên thường cởi mở hơn trong việc cặn, đồng thời sẵn sàng học hỏi và nghiên cứu thêm. Nói cách khác, giáo viên nói về việc chấm điểm với học sinh bằng ngôn ngữ của đạo đức về niềm tin “thế giới thực”. Trong khi đó, chuyện chấm điểm cũng như thể một cú đập trực tiếp vào tầng cảm xúc sâu thẳm nhất của học sinh đối với những giáo viên vẫn hằng ngày đứng trên bục giảng lớp học.

Khi nói về những vấn đề trong chấm điểm với hiệu trưởng các trường khác, Mallory đã rất ngạc nhiên và thất vọng khi biết rằng cách chấm điểm của giáo viên ở mỗi trường rất khác nhau. Hiện tượng này rất phổ biến, thậm chí đã trở thành “tập tục”. Giáo viên chủ động và đầu tư tâm sức tạo ra các quy tắc mà ở đó, bằng cảm quan đánh giá chuyên nghiệp và chần chừ nhất của mình, họ tin rằng việc học sẽ được cải thiện. Nhưng chúng không thống nhất mà thường mâu thuẫn với nhau, tuy mỗi trường đều có phương pháp tiếp cận với chủ đích tốt nhưng cuối cùng lại gây ra hiện tượng thiếu đồng bộ trong đánh giá và báo cáo kết quả học tập của học sinh. Ngay cả khi một khoa hay một nhóm giáo viên đi đến thống nhất, ví dụ như điểm BTVN chiếm không quá 40% tổng điểm thì ngay từ việc có chấp nhận nộp BTVN quá hạn hay không, cũng đã đủ khiến mọi

nỗ lực bấy lâu trở thành nửa vời và công cốc.

Còn nữa, dù hiệu trưởng nào cũng gặp phải cùng một vấn đề và thất vọng với sự thiếu đồng bộ trong chấm điểm, nhưng không một ai giải quyết được vấn đề này. Một số người thử gợi nhắc về chủ đề này và nhận được phản kháng tương tự những gì Mallory đã trải qua, một số thậm chí còn nhận được những phản ứng gay gắt đi kèm với những cáo buộc cho rằng đó là hành động xâm phạm quyền tự do giảng dạy của giáo viên.

Mallory tự hỏi: Việc chấm điểm không nhất quán có phải là một điều hiển nhiên hiện hữu tại các trường học, như tiếng chuông khó chịu giữa các tiết học, phàn nàn về thức ăn ở căng-tin, trang phục giáo dục thể chất kỳ cục và tỷ lệ học sinh đi

học thấp ở Open House? Đó có phải là tác dụng phụ không thể tránh khỏi của sự sáng tạo, làm chủ và chủ động của giáo viên? Các cách đánh giá và báo cáo kết quả học tập của học sinh khác nhau của giáo viên có phải là dấu hiệu của sự chuyên nghiệp hay sự hủy hoại tính chuyên nghiệp? Và việc các hiệu trưởng tránh đề cập đến sự khác biệt và không nhất quán trong việc chấm điểm có thể hiện sự ủng hộ đối với giáo viên, hay đó là mối bất hòa giữa giáo viên và ban giám hiệu, một sự thỏa hiệp bất thành văn bỏ qua tác động gây tổn hại đến trẻ em, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương nhất?





GIẢI MÃ KHOA HỌC CỦA ĐỘNG LỰC

¹Những hiểu biết mới về cách động lực hoạt động. Tại sao nó luôn xuất hiện chậm trễ và chúng ta có thể làm gì để giúp học sinh phát triển nó?

Grace Tatter | LISA lược dịch

Giáo viên có thể biết nội dung giảng dạy của họ như thế nào và sẽ thay đổi như thế nào. Họ có thể dành cả tiếng đồng hồ để xây dựng và chỉnh sửa kế hoạch bài học. Nhưng điều đó sẽ là vô nghĩa nếu học sinh của họ không có động lực học hành.

Theo một bài báo mới từ Hội đồng Khoa học Quốc gia về Trẻ đang phát triển, một tổ chức hợp tác nghiên cứu đa ngành tại Đại học Harvard: Thông thường, trải nghiệm thời thơ ấu có thể khiến học sinh khó có động lực hơn. Bài báo đặt ra câu hỏi: Điều gì sẽ xảy ra trong tâm trí của trẻ khi chúng có động lực và điều gì đang kìm hãm chúng?

Các nhà nghiên cứu xác định có hai loại động lực: động lực tiếp cận hướng chúng ta đến phần thưởng và động lực tránh né hướng chúng ta ra xa thiệt hại. Lý tưởng nhất, là khi chúng cân bằng với nhau. Động lực tiếp cận là nền tảng cho hầu hết các hình thức học tập, trong khi động lực tránh né có thể ngăn cản việc học tập ở mức độ cao hơn bằng cách buộc chúng ta phải khắc phục phản ứng tức thời của mình đối với một nhiệm vụ trong thời gian ngắn hơn là một mục tiêu dài hạn. Cuối cùng, để tồn tại, chúng ta cần cả hai, nhưng khi hai động lực này mất cân bằng thì có thể dẫn đến các vấn đề về kiểm soát sự bốc đồng, nổi lo lắng hoặc trầm cảm hay các bệnh tâm lý khác.

Hệ thống động lực của chúng ta một phần là do di truyền, nhưng chúng cũng được định hình bởi kinh nghiệm. Mức độ căng thẳng cao và sự thiếu thốn mối quan hệ tích cực với người lớn có thể ảnh hưởng đến cách não bộ của trẻ phản hồi với các nhiệm vụ khác nhau. Những người lớn chu đáo có thể giúp học sinh phát triển các hệ thống

¹ Nguồn: <https://www.gse.harvard.edu/news/uk/19/03/unlocking-science-motivation>

động lực có lợi về lâu dài cho các em khi trưởng thành.

Làm thế nào để xây dựng nguồn động lực lành mạnh?

Khơi gợi sự tò mò và khuyến khích khám phá.

Vượt ra xa cả những nhu cầu cơ bản, trẻ em được thúc đẩy bởi sự khám phá, vui chơi, làm chủ và thành công - tất cả đều tạo nền tảng học tập có ý nghĩa. Người lớn có thể củng cố những động lực này thông qua phản hồi tích cực về xu hướng tự nhiên của trẻ thay vì làm xáo trộn những xu hướng đó vì đã bỏ qua những cơ hội để khám phá, hay vì quá lo lắng rằng trẻ sẽ bị tổn thương. Hãy nhớ, mọi nỗi sợ đều có thể biến mất. Những người lớn chu đáo mà đứa trẻ tin tưởng có thể giúp các em nhận ra nên thực sự sợ điều gì và tránh điều gì. Trẻ em lớn lên trong môi trường dễ bị bạo hành hoặc bị ngược đãi, có lẽ vì thiếu đi sự quan tâm chăm sóc của người lớn nên có thể trở nên mất tập trung hơn để tránh né, và trở nên thiếu nhiệt huyết hơn trong những cuộc khám phá lành mạnh.

Đừng dựa vào những phần thưởng khích lệ.

Nhưng bản thân những phản hồi bên ngoài là không đủ để thúc đẩy động lực - mục tiêu là giúp trẻ phát triển ngọn lửa nhiệt huyết bên trong các em. Trẻ em được chứng minh là sẽ ngừng tham gia vào các hoạt động theo cách các em muốn sau khi các em được trao những phần thưởng hữu hình cho việc đó. Các tác giả của bản báo cáo cảnh báo: "Các hệ thống giáo dục chỉ tập trung vào phần thưởng và hình phạt bên ngoài khó có thể đạt được động lực làm việc hiệu quả và bền vững. Những hoạt động cân bằng động lực - ví dụ như giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và học tập vui chơi - với phản hồi tích cực có nhiều khả năng hỗ trợ động lực lành mạnh trong thời gian dài.

Luôn nhắc nhở trẻ rằng chúng có thể thành công. Chúng ta khó có động lực để làm mọi thứ nếu chúng ta nghĩ rằng chúng sẽ không thể thành công. Tư duy phát triển - niềm tin rằng chúng ta có thể thay đổi và cải thiện thông qua luyện tập, đồng thời tài năng và kỹ năng của chúng ta là không cố định - sẽ giúp trẻ có động lực hơn.

Ưu tiên giao tiếp xã hội. Từ trẻ sơ sinh đến vị thành niên, tương tác xã hội là chìa khóa để tạo động lực, giải phóng các opioid tự nhiên - dopamine và serotonin - kích hoạt hệ thống động lực của não. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trẻ sơ sinh học ngôn ngữ nhanh hơn thông qua tương tác mặt đối mặt với người chăm sóc hơn là tiếp xúc với người chăm sóc đó qua video. Trong thế giới kỹ thuật số, phần mềm và màn hình có thể là những yếu tố bổ sung cho việc học, nhưng những tương tác trực tiếp vẫn rất cần thiết.

Nhớ rằng chúng ta đều có những động lực nội tại khác. Một đứa trẻ có khao khát chơi thể thao về bản chất có thể phản ứng tốt với những lời chỉ trích mang tính xây dựng từ một huấn luyện viên, háo hức với sự hài lòng trong tâm khi làm tốt. Nhưng một học sinh khác có thể phản ứng nhiều hơn đối với sự khuyến khích và sẽ chán nản hơn với những lời chỉ trích. Hãy lưu ý rằng những hệ thống động lực khác này có thể là từ gen và kinh nghiệm sống của trẻ, và các em có thể yêu cầu những cách tiếp cận khác nhau để tạo ra động lực.





8 CÁCH ĐỂ DẠY VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRONG CÁC LỚP HỌC

Anya Kamenetz | Minh Khuê dịch

NPR/IPSOS mới đây đã thực hiện một cuộc khảo sát toàn quốc và thấy rằng hơn 8 trên 10 giáo viên - và phần lớn phụ huynh - ủng hộ việc giảng dạy về biến đổi khí hậu cho trẻ.

Tuy nhiên, ý tưởng này vẫn chưa được đều đặn đưa vào các chương trình giảng dạy trong thực tiễn. Chưa đến một nửa số giáo viên K-12 nói với chúng tôi rằng họ có giảng và trao đổi với học sinh về biến đổi khí hậu. Tỷ lệ tương tự cũng được ghi nhận ở các bậc phụ huynh.

Kết quả khảo sát đã chỉ ra lý do lớn nhất để các giáo viên lựa chọn không đưa kiến thức về biến đổi khí hậu vào chương trình giảng dạy là: "Nó

chẳng liên quan gì đến môn tôi dạy." Đây là câu trả lời của tới 65% giáo viên thực hiện khảo sát. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng nhận được phản hồi từ các giáo viên và tổ chức giáo dục đang triển khai lồng ghép chủ đề này vào các môn học từ xã hội học, toán học đến mỹ thuật dạy bằng tiếng Anh ở tất cả các cấp bắt đầu từ mẫu giáo lớn.

Bởi lẽ đó, câu hỏi đặt ra là: "Vậy thì chủ đề biến đổi khí hậu thuộc phạm trù nào trong chương trình giảng dạy tại trường học?"

Theo một phân tích được Glenn Branch - Phó giám đốc Trung tâm Giáo dục Khoa học Quốc gia - thực hiện cho NPR Ed, , "thực trạng biến đổi khí hậu do con người gây ra" được đề cập trong ít nhất 36 tiêu chí bang về giảng dạy. Tuy nhiên, nó

thường chỉ xuất hiện trong thời gian ngắn - và rất có thể chỉ được nhắc đến trong các lớp về khoa học trái đất ở bậc trung học cơ sở và trung học phổ thông. Branch cũng cho biết thêm rằng điều này thậm chí không đồng nghĩa với việc tất cả học sinh ở số bang kể trên được học về biến đổi khí hậu trên trường: Chỉ có đúng 2 bang liệt khoa học trái đất hoặc khoa học môi trường trở thành một trong các điều kiện tốt nghiệp trung học phổ thông để có đủ .

Joseph Henderson là giảng viên khoa nghiên cứu môi trường tại Đại Học Paul Smith. Ông nghiên cứu phương pháp giảng dạy về biến đổi khí hậu trong trường học. Ông tin rằng chủ đề này cần được dạy lồng ghép trong tất cả các môn học.

Ông chia sẻ: “Từ lâu, biến đổi khí hậu vẫn luôn được coi là một vấn đề chỉ nằm duy nhất trong phạm trù khoa học. Nó cần được nhìn nhận và đánh giá dưới nhiều lăng kính khác, trong nhiều môn học khác , đặc biệt là dưới các khía cạnh xã hội,” chẳng hạn như hiện tượng di dân do ảnh hưởng của thiên tai.

Đồng thời, các nhà giáo dục chịu áp lực lớn khi bị thúc ép đưa chủ đề biến đổi khí hậu vào giảng dạy. “Tôi khá lo lắng về việc yêu cầu đòi hỏi các trường học phải giải quyết một vấn đề mà xã hội từ chối đối mặt và giải quyết.”

Tổ chức phi lợi nhuận Ten Strands đã đưa ra một câu trả lời tiềm năng cho chỉ trích này bằng cách áp dụng mô hình “truyền gia tăng” ở California. Nói cách khác, kiến thức về môi trường sẽ được lồng ghép trong tiết học của các môn và hoạt động đã có sẵn trong chương trình giảng dạy thay vì trở thành gánh nặng cho các nhà giáo dục khi cố gắng tạo một “sân chơi mới” độc lập và phức tạp.

Chúng tôi cũng nhận được thông tin từ một số giáo viên về việc họ đang tìm kiếm thêm ý tưởng

và nguồn tài liệu để có thể giảng dạy về biến đổi khí hậu trên lớp. Dưới đây là một vài ý tưởng về cách đưa chủ đề biến đổi khí hậu vào môn học bạn dạy:

1. Tận dụng phòng thí nghiệm

Hoạt động thí nghiệm có thể được coi là một trong những cách hiệu quả nhất giúp trẻ em hình dung được cơ chế của hiện tượng nóng lên toàn cầu ở quy mô nhỏ và dễ tiếp cận.

Ellie Schaffer - một học sinh lớp 6 tại trường trung học cơ sở Alice Deal, Washington, D.C đã có cơ hội trải nghiệm làm mô hình mô phỏng hiện tượng hiệu ứng nhà kính trong lớp khoa học, sử dụng bọc nhựa để giữ nhiệt mặt trời ở bên trong, sau đó sử dụng than để quan sát hiện tượng khí carbon đen từ khí thải làm tăng tốc độ tan chảy của băng.

Những tiết thực hành như thế không chỉ tăng cường và củng cố nhận thức mà còn hướng sự quan tâm của cô tới vấn đề biến đổi khí hậu: “Chúng ta đã cố tình ngó lơ biến đổi khí hậu từ rất lâu và giờ thì nó và hậu quả đang hiện hữu ngay đây rồi. Chúng ta cần phải hành động ngay.” Nhiều giáo viên đã nhắc đến NASA như một nguồn tài nguyên học tập tham khảo cho các phòng thí nghiệm và hoạt động thí nghiệm. Tất cả các thí nghiệm này đều có thể thực hiện chỉ bằng những vật dụng thường ngày dễ kiếm như đá, giấy thiếc, chai nhựa, cao su, bóng đèn và nhiệt kế.

2. Xem phim

Susan Fisher, giáo viên khoa học giảng dạy khối lớp 7 tại trường trung học cơ sở South Woods, N.Y, đã cho học sinh của cô ấy xem bộ phim tài liệu “Before the Flood” (2016) (“Hành trình cuộc sống”). Bộ phim kể về cuộc hành trình đi qua 5 lục địa và Bắc Cực của nhân vật chính (do nam diễn viên Leonardo diCaprio thủ vai) để quan sát ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Cô Fisher đã nói: “Mục đích của chúng tôi khi cho học sinh xem bộ phim này là để học sinh nhận thức được

nghĩa vụ của một công dân đối với biến đổi khí hậu.”

3. Giao cho học sinh đọc một cuốn tiểu thuyết

Rebecca Meyer là giáo viên giảng dạy môn Mỹ thuật bằng tiếng Anh tại trường trung học cơ sở Bronx Park ở thành phố New York.

Cô đã từng giao học sinh của mình đọc cuốn tiểu thuyết “Not a Drop to Drink” (Tạm dịch: “Nước không còn lấy một giọt để uống”) của Mindy McGinnis được xuất bản năm 2013.

“Khi đọc, các em kết nối được hiện thực và những điều được đề cập trong tiểu thuyết.” Meyer cho biết. “Cuối mỗi bài học, học sinh sẽ tự chọn nhóm và nghiên cứu về những giải pháp kinh tế và vật lý cho vấn đề khan hiếm nguồn nước, đồng thời, dựng video PSA để làm rõ thực trạng và đưa ra giải pháp cho vấn đề bằng cách sử dụng phần mềm làm phim iMovie.”

Cô dùng tính từ “thành công” để miêu tả buổi học của mình. “Các em rất hứng khởi và tích cực. hứng yêu thích hoạt động này.” Cô chia sẻ thêm. “Nhiều em về nhà và kể lại với cha mẹ. Trong buổi họp phụ huynh, bố mẹ kể về việc lúc trẻ đã hào hứng ra sao khi chia sẻ với họ về việc bảo vệ nguồn nước.”

4. Phổ cập kiến thức khoa học

Terry Reed tự nhận mình là một “science guru” (chuyên gia khoa học) cho các học sinh lớp 7 đang theo học tại trường trung học cơ sở Prince David Kawanakoa ở Honolulu. Terry đã dành một năm chèo thuyền đến vùng biển Caribbean. Trên đường đi, ông đã thay nhóm Adventure Scientists (tạm dịch: “Chuyến thám hiểm của các nhà khoa học”) thu thập mẫu nước để kiểm tra vi nhựa. (Tiết lộ: Ngay cả nước ở những vùng biển xa bờ và chưa bị khai thác cũng chưa một lượng vi nhựa nhất định).

Ông đã giao học sinh của mình thu thập mẫu

nước từ những bãi biển gần nhà để tiến hành một dự án kiểm tra vi nhựa tương tự. Terry cũng cho học sinh thực hành chụp ảnh hiện tượng hình thành mây và đo nhiệt độ, từ đó, có thể thấy được sự thay đổi của các yếu tố thời tiết theo thời gian. “Một điều tôi nhấn mạnh với học sinh của mình đó là chỉ vài năm nữa thôi, chúng sẽ đủ tuổi thực hiện quyền bầu cử của mình. Đó là lý do tại sao chúng chúng cần trang bị cho mình hiểu biết về khoa học.”

5. Yêu cầu học sinh thực hiện các dự án nghiên cứu, thuyết trình hoặc diễn thuyết

Gay Collins - giảng viên môn kỹ năng thuyết trình trước đám đông tại trường trung học phổ thông Waterford tại Conn luôn quan tâm đến việc sử dụng “diễn ngôn dân sự” như một công cụ để giải quyết vấn đề, vì vậy cô ấy khuyến khích học sinh của mình “xây dựng bài phát biểu của mình xung quanh các chủ đề quan trọng như sử dụng nhựa, lối sống tối giản và các chủ đề liên quan đến môi trường khác.

6. Chia sẻ trải nghiệm cá nhân

Pamela Tarango - một giáo viên lớp 3 tại trường tiểu học Downtown ở Bakersfield, California đã kể cho học sinh về sự thay đổi của thời tiết trong những năm vừa qua: ngày càng nóng và khô: “Mùa đông ở thung lũng trung tâm California của Bakersfield đã thay đổi rất nhiều. Tôi kể với chúng về thời niên thiếu của mình vào những năm 1970 khi chúng tôi thường đến trường trễ khoảng 2 đến 3 giờ vì sương mù dày đặc cản trở hết tầm nhìn di chuyển. Chúng tôi chưa bao giờ thấy cảnh ùn tắc này ở thành phố. Chỉ có những khu vực xa trung tâm có sương mù dày đặc kéo dài hai đến ba giờ thế này. Thậm chí ở nông thôn cũng rất hiếm được nhìn thấy sương mù.”

7. Triển khai một dự án cộng đồng

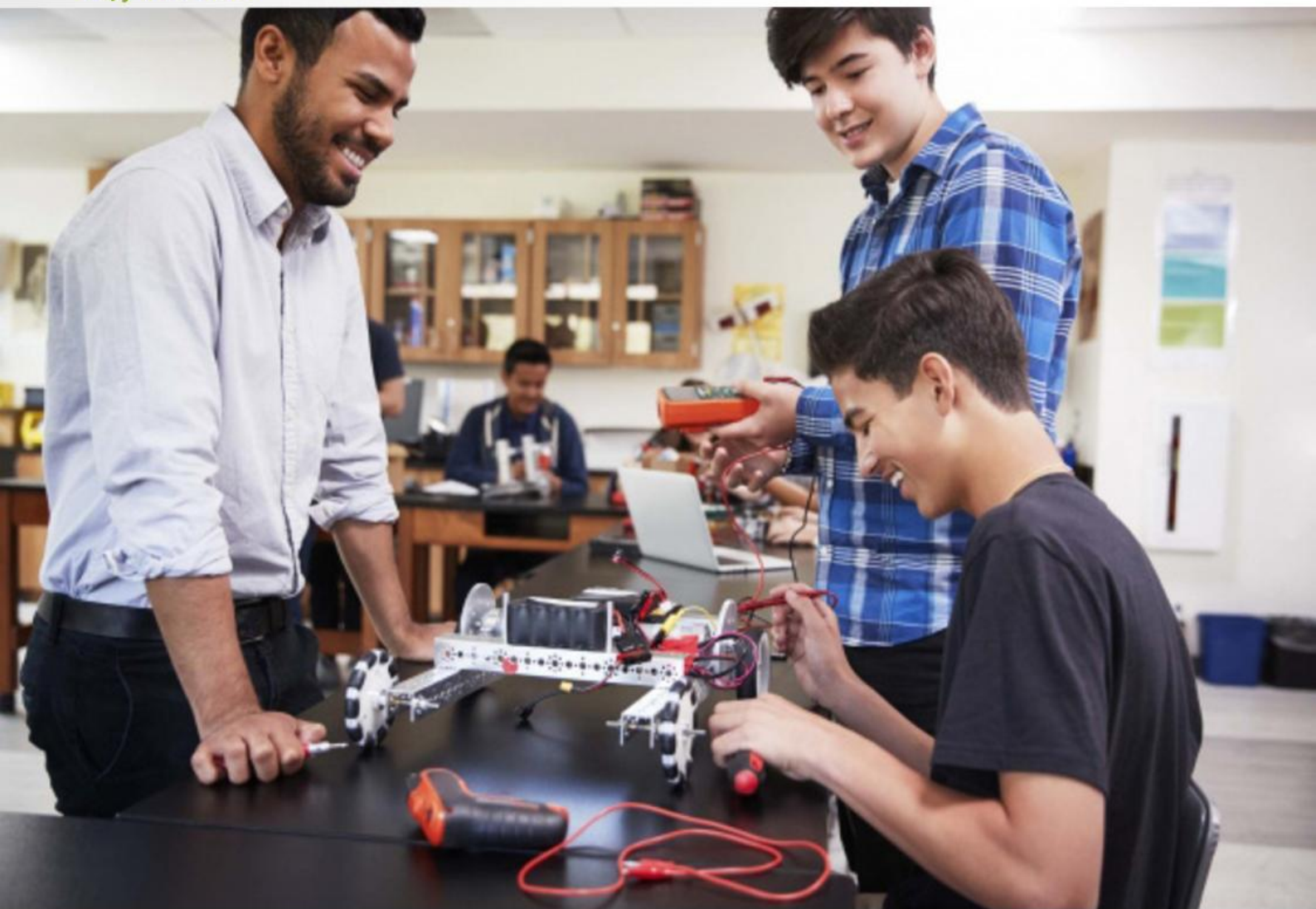
Mercy Peña-Alevizos - giáo viên tại Học viện Holy Trinity ở Phoenix, cho biết: “Tôi dạy các em mẫu giáo và tận dụng môi trường và tài nguyên thiên

nhân giúp các em trân trọng cuộc sống hàng ngày của mình. Tôi nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phân loại và loại bỏ rác thải. Học sinh của tôi hiểu được điều này và có những ý tưởng tuyệt vời. Chúng tôi tái chế và nhặt rác ở các khu vực xung quanh.”

Các dự án cộng đồng vì môi trường có thể đơn giản, công phu hoặc chỉ mang tính chất trải nghiệm như thử thách #trashtag trên mạng xã hội.

8. Hãy bắt đầu từ vườn trường

Mairs Ryan - giáo viên môn khoa học tại trường Công giáo St. Gregory the Great ở San Diego nói rằng: “Học sinh lớp 6 sẽ giám sát khu vực vườn trường, cũng như thùng ủ sâu bọ “Worm Hotel” (Khachs sạn sâu) của chúng tôi. Khu vườn là phòng thí nghiệm của các em - nơi chúng “sống và học” về hấp thụ carbon trong đất và nông nghiệp tái sinh. Thùng ủ phân của trường chúng tôi là bằng chứng cho thấy có những lựa chọn thay thế các bãi chôn lấp sản sinh khí metan. Trong quá trình tìm kiếm thêm các giải pháp để giảm lượng khí metan thải ra môi trường, các em đã có cuộc tranh luận về các phương pháp tái sử dụng thực phẩm trên khắp thế giới.”



BA GIẢI PHÁP ĐỂ LỒNG GHÉP SEL VÀO BÀI GIẢNG

¹Meena Srinivasan | Cẩm Khương dịch

Giáo viên có thể tích hợp SEL vào bài giảng hàng ngày, khiến giáo dục trở nên sinh động đối với mọi người.

Vào cuối khóa bồi dưỡng chuyên môn gần đây, tôi đã trò chuyện khá thẳng thắn với một thầy hiệu phó. Thầy bức xúc khi trường mình chỉ tập trung coi trọng nâng cao thành tích học tập mà bỏ qua tình yêu thương dành cho học sinh. Thầy nói rằng khi chỉ đề cao thành tích học tập của

học sinh, nhà trường đã làm hại các em, khiến các em căng thẳng và mất hạnh phúc, đồng thời giết chết động lực học tập của các em.

Điều bức xúc của thầy cũng là tiếng nói chung của các giáo viên và lãnh đạo nhà trường. Chúng ta thường buộc phải lựa chọn giữa việc dạy các kỹ năng cảm xúc xã hội (SEL) hay phát triển các kỹ năng học tập của học sinh. Nhưng đây là một sự phân định sai lầm. Những kỹ năng mà học sinh cần học chính là những kỹ năng mà SEL cung cấp như khả năng phản tư, tính kiên trì và sự tập trung. Câu hỏi không phải là liệu chúng ta có thể hoặc có nên dạy những kỹ năng này hay

¹ Nguồn: https://greatergood.berkeley.edu/article/item/three_keys_to_infusing_sel_into_what_you_already_teach

không, mà là dạy chúng *như thế nào*, đặc biệt là khi chúng ta bị áp lực phải đạt được thành tích học tập như mục tiêu đề ra.

Trong cuốn sách mới của mình, SEL Mỗi Ngày (SEL Every Day), tôi đã đưa ra câu trả lời cho câu hỏi đó. May mắn thay, SEL không cần phải tách biệt khỏi học thuật hay là phần dạy thêm, mà là phần được tích hợp vào việc dạy và học có chất lượng. Với một vài lưu ý chính, giáo viên có thể dễ dàng kết hợp điều này vào việc giảng dạy hàng ngày, mang lại lợi ích cho cả môi trường học và tạo động lực học tập cho học sinh.

Đây là ba chìa khóa để tích hợp SEL vào bất kỳ lớp học nào.

1. Tạo giáo án với tư duy SEL ngay từ ban đầu

Về cơ bản, giáo viên là những nhà thiết kế và chúng ta thiết kế một trong những điều quan trọng nhất thế giới — trải nghiệm học tập. Yếu tố số một ảnh hưởng đến sự thành công là thời gian và sự chăm chú dành cho việc thiết kế bài giảng, bài học, chương trình học hoặc đào tạo chuyên môn. Điều quan trọng là phải lập kế hoạch với SEL trong tư duy và tích hợp nó một cách rõ ràng vào các bài học.

Có nhiều cách để thực hiện, nhưng đây là một vài cách đúc kết từ kinh nghiệm của bản thân tôi đã được nghiên cứu kiểm chứng.

Vận dụng cách thực hành SEL tiêu biểu trong kế hoạch bài giảng của bạn. Có ba cách thực hành do nhà tư vấn bồi dưỡng chuyên môn của CASEL Ann McKay Bryson phát triển được các giáo viên áp dụng rộng rãi trong lớp để nâng cao tính tập thể và tăng cường sự tham gia học tập.

- **Nghi thức chào đón** như họp buổi sáng hoặc “làm ngay bây giờ” mang tính tương tác giúp xây dựng cộng đồng và tạo tiền đề cho việc học chuẩn bị diễn ra. Việc thực

hành này cũng **mang tất cả tiếng nói vào trong phòng** và khi học sinh nói chuyện vào đầu tiết học thì các em cũng có thể sẽ tiếp tục gắn kết hơn trong suốt buổi học.

- **Chiến lược tương tác** như “hướng về bạn học của em”, “Hội thảo Socrate” và “Ghép hình” có tích hợp SEL, với mức độ phức tạp khác nhau và được giáo viên tuân tự hướng dẫn, giúp tạo điều kiện hỗ trợ việc học tập cá nhân và tập thể.
- **Cách kết thúc buổi học lạc quan** như “Đánh giá cao, Xin lỗi hoặc Aha” không có nghĩa là quá lạc quan khi kết thúc buổi học. Thực ra, chúng tạo cơ hội để suy ngẫm về những gì đã xảy ra trong lớp, chia sẻ bước tiếp theo, bày tỏ lòng biết ơn hoặc nâng cao hiểu biết mới.

Tạo mục tiêu học tập SEL chung. Ngay từ đầu trong quá trình thực hành giảng dạy của tôi, một huấn luyện viên hướng dẫn đã giúp tôi thấy được tầm quan trọng của việc chia sẻ các mục tiêu học tập bằng ngôn ngữ thân thiện với học sinh, sử dụng câu nói “Tôi có thể” để học sinh nắm rõ về những gì các em sẽ học. Điều đã đưa việc giảng dạy của tôi lên cấp độ tiếp theo là cùng xây dựng các mục tiêu học tập đó với học sinh của tôi, chuyển ngôn ngữ từ “tôi” sang “chúng tôi”. Bằng cách đồng tạo mục tiêu — thay vì áp đặt mục tiêu — sinh viên của chúng tôi, chúng tôi cho họ cảm giác rằng chúng ta trong một lớp học sẽ hỗ trợ việc học của nhau như thế nào và có trách nhiệm đóng góp vào thành công của nhau.

Kết hợp thực hành giảng dạy xã hội và học thuật để thúc đẩy SEL.

Nhà nghiên cứu Nick Yoder đã xác định 10 phương pháp giảng dạy giúp tăng cường SEL, bao gồm các phương pháp như thể hiện “sự ấm áp và hỗ trợ” (cho phép học sinh biết giáo viên quan tâm đến các em) và dạy học sinh làm việc hiệu quả cùng nhau hướng tới mục tiêu giảng dạy chung. Trong cuốn sách của mình, tôi đưa ra những nghiên cứu sâu hơn về một số phương

pháp giảng dạy có tác động lớn có thể được sử dụng ở các cấp lớp và các lĩnh vực nội dung để phát triển các kỹ năng SEL và hỗ trợ việc học tập trong các lớp học trung học.

2. Phát huy việc tự thực hành SEL

Giáo viên chúng ta không thể mong đợi học sinh của mình thực hành SEL nếu chính mình không thực hành. Chúng ta cần nhận thức về bản thân — về những cảm xúc, suy nghĩ, phản ứng, giá trị và niềm tin của mình — và sử dụng kiến thức đó để cải thiện việc giảng dạy và tạo ra môi trường học tập hiệu quả. Khi người lớn có phương pháp thực hành SEL nghiêm túc, khi chúng ta hoan nghênh các quan điểm khác biệt, quản lý được cảm xúc mạnh và thực hành được lòng trắc ẩn đối với bản thân và người khác thì chúng ta sẽ có khả năng đưa ra quyết định tốt hơn khi làm việc với học sinh của mình, bởi vì chúng ta ít phản ứng hơn với các em và cũng có thể củng cố mối quan hệ của chúng ta với các em.

Các nghiên cứu đã xác thực rằng những giáo viên được giao nhiệm vụ dạy SEL nhưng không trau dồi kỹ năng tự thực hành thực ra sẽ làm kỹ năng SEL của học sinh tụt đi. Ngược lại, những giáo viên biết phát triển kỹ năng SEL không chỉ cải thiện sức khỏe của chính họ mà còn cải thiện việc học tập và phát triển cảm xúc xã hội của học sinh.

Chúng ta có thể phát triển và đào sâu việc tự thực hành SEL bằng cách tự hỏi mình những câu hỏi định hướng khi chúng ta thiết kế chương trình giảng dạy của mình. Một số ví dụ bao gồm:

- Tôi có niềm tin nào về học sinh của mình mà có thể ảnh hưởng đến việc giảng dạy hoặc thiết kế bài học của tôi? Những niềm tin này đang hỗ trợ hay cản trở học sinh của tôi và bản thân tôi? (tự nhận thức)
- Làm thế nào để bài học này có thể khẳng

định bản sắc cá nhân của các em học sinh trong lớp của tôi? Làm cách nào để tôi kết hợp một câu chuyện đối lập (counter-narrative) vào bài giảng? (nhận thức xã hội)

- Tôi sẽ củng cố kỹ năng quan hệ của mình với học sinh, hoặc mối quan hệ của các em với nhau bằng cách thế nào thông qua bài học này? Tôi có thể thực hiện những hành động cụ thể nào? (kỹ năng quan hệ)
- Tôi sẽ thực hành cách tự quản lý và mình bạch về cách tôi đang thực hành trong bài học này như thế nào? (tự quản)

Bằng cách tự trả lời những câu hỏi này, chúng ta hiểu sâu hơn về việc tự thực hành SEL có thể mang lại lợi ích cho học sinh và tăng cường hiệu quả bài giảng của mình như thế nào. (Đây là mẫu giáo án tích hợp SEL.)

3. Bắt đầu từ quy mô nhỏ, xây dựng tính nhất quán và đánh giá kết quả đầu ra

Thoạt nhìn, việc giảng dạy với tư duy SEL có vẻ như là một nhiệm vụ khó khăn. Nhưng bạn có thể bắt đầu bằng cách thực hiện các bước nhỏ, chỉ chọn một ý tưởng để đưa vào bài giảng của mình. Điều đó có thể giúp việc xây dựng chương trình giảng dạy SEL tích hợp dễ dàng hơn theo thời gian.

Điều quan trọng bạn cần chắc chắn là mình thực hiện một cách nhất quán bất cứ điều gì bạn chọn làm — cho dù đó là sử dụng cách kết thúc lạc quan hay cho học sinh “nghỉ ngơi”. Đưa ra các thực hành nhỏ một cách nhất quán giúp xây dựng cộng đồng và văn hóa kết nối và cam kết hơn là văn hoá tuân thủ.

Phản ánh của giáo viên và phản hồi của học sinh là điều cần thiết để đánh giá kết quả bài học của bạn và có thể cải thiện việc học. Đó là lý do tại sao tôi khuyến khích giáo viên tạo cơ hội để sinh viên đưa ra phản hồi. (Đây là mẫu phản ánh của riêng tôi.)

Dành thời gian cho việc này thật khó đối với tôi; nhưng tôi đã biến nó thành một phần trong quá trình chuẩn bị và lập kế hoạch bài học của mình. Tôi cũng sẽ bắt đầu các bài giảng bằng cách chia sẻ suy nghĩ của bản thân về phản hồi của học sinh và cung cấp bằng chứng về những gì các em đã học ở bài học trước. Bất cứ khi nào có thể, tôi cũng nêu rõ cho các em biết rằng bài học hôm nay sẽ phát huy ý kiến đóng góp và kiến thức học tập của các em từ bài học trước.

Việc nỗ lực để giảng dạy với tư duy SEL một cách có chủ đích hơn là một điều xứng đáng. Khi giáo viên ưu tiên SEL, các lớp học của họ được quản lý tốt hơn và họ ít bị căng thẳng và cảm thấy kiệt sức hơn. Đó là lý do tại sao tập trung vào SEL mang lại lợi ích chung cho cả học sinh và giáo viên. Chìa khóa ở đây là tích hợp SEL vào những việc bạn đang làm. Bằng cách đó, bạn sẽ không cảm thấy đó một gánh nặng mà là một phần thưởng cho ngày giảng dạy của bạn.

SEL Every Day



INTEGRATING SOCIAL and EMOTIONAL LEARNING
with INSTRUCTION in SECONDARY CLASSROOMS

Meena Srinivasan



SỬ DỤNG DỮ LIỆU ĐỂ HỖ TRỢ HỌC SINH

¹Larry Ferlazzo² | Ngô Thị Thanh Tùng dịch

Câu hỏi mới của tuần này là: Các ví dụ của bạn về việc thu thập và sử dụng “dữ liệu” học sinh trong lớp học một cách thành công là gì?

“Dữ liệu” là một từ phổ biến trong giáo dục. Nhưng cái gì được coi là dữ liệu và vai trò của nó nên là gì trong giảng dạy vẫn luôn là vấn đề tranh cãi.

Tuy nhiên, trong thực tế giảng dạy của riêng tôi, tôi thường thấy điểm số của học sinh trong các bài đánh giá là những thông tin hữu ích. Chìa khóa để điểm số trong các bài đánh giá có ích

¹ Nguồn: <https://www.edweek.org/teaching-learning/opinion-using-data-to-support-students/2021/01>

² Larry Ferlazzo là người Anh và là giáo viên môn nghiên cứu xã hội ở trường Trung học Luther Burbank ở Sacramento, Calif.

với bài giảng của tôi là kết hợp nó với các dữ liệu khác mà tôi đã thu thập được thông qua quan sát và trò chuyện (với học sinh và với gia đình của họ). Vì lý do này (và cả những lý do khác), tôi là người ủng hộ việc “dữ liệu cung cấp thông tin” hơn là “dữ liệu dùng để điều khiển”.

Đánh giá quá trình

(Lauren Nifong là chuyên gia đào tạo giáo viên ở Greenville, S.C. Cô có bằng cử nhân về giáo dục tiểu học, bằng thạc sĩ về quản trị và giám sát và hiện là thành viên của Lớp lãnh đạo mới nổi của ASCD năm 2020 của Nam Carolina. Bạn có thể kết nối với Lauren tại @Lnifong0320 trên Twitter.)

Biết cách giải thích và phân tích dữ liệu một cách thành công là rất quan trọng đối với sự thành

công của học sinh, nhưng đôi khi, chúng ta có thể bị choáng ngợp với nhiều loại dữ liệu khác nhau trong lớp học.

Cho đến nay, những phần dữ liệu có tác động nhất mà tôi thu thập được là những đánh giá quá trình. Cái hay của các đánh giá quá trình là chúng ngắn gọn và đi vào trọng tâm, nhưng giáo viên có thể thu thập được nhiều thông tin quý giá từ đấy. Khi được áp dụng hàng ngày, giáo viên có thể xác định học sinh đã (hoặc chưa) nắm vững mục tiêu học tập từng ngày một. Bằng cách phân tích dữ liệu này hàng ngày, giáo viên có thể điều chỉnh trong một nhóm nhỏ và đưa ra phản hồi ngay lập tức cho học sinh.

Chúng ta có thường xuyên được nhắc nhở về tầm quan trọng của phản hồi kịp thời và có chủ định không? Chúng ta đã biết là chờ đợi cho đến khi đánh giá tổng kết để thực sự đánh giá kiến thức của học sinh theo một tiêu chuẩn nhất định là vô nghĩa. Với việc sử dụng các bài đánh giá quá trình nhỏ hơn rải rác trong một bài học, giáo viên có thể hiểu rõ hơn về nhu cầu cá nhân của học sinh và khắc phục kịp thời hơn.

Trong thời đại công nghệ, có rất nhiều cách để tạo ra các phiếu đánh giá nhanh và các bài đánh giá quá trình nhỏ trong đó dữ liệu được tự động tổng hợp cho bạn. Các chương trình như Google Forms, NearPod và Kahoot đều cho phép phản hồi tức thì cho giáo viên và học sinh.

Mặc dù công nghệ có thể là một công cụ tuyệt vời, nhưng trong nhiều năm, tôi đã nhanh chóng nói rằng: “Đừng bao giờ quên sức mạnh của bản ghi chú nhanh”. Là một giáo viên dạy toán bậc tiểu học trong vài năm, đã có nhiều lần tôi cho học sinh một tờ giấy nhớ ở cuối một bài học nhỏ và yêu cầu các em hoàn thành hai đến ba bài toán nhanh dựa trên bài vừa học. Tôi có thể mở rộng cách ghi nhớ này bằng cách làm việc bàn tròn và phân nhóm học sinh nhanh chóng dựa

trên những điểm mạnh và điểm yếu chung. Hành động nhỏ này đã mang lại cho tôi thông tin quý giá về sự hiểu biết của học sinh về mục tiêu học tập và cho phép tôi hình thành ra các nhóm nhỏ khác biệt, cụ thể và có ý nghĩa.

Đôi khi, chúng ta bị cuốn vào việc thiết kế các bài kiểm tra kết thúc môn học một cách hoàn hảo và nhiều chi tiết. Và mặc dù chắc chắn là cần phải có kiểu đánh giá này, những thông tin chúng ta nhận được hàng ngày từ học sinh khi chúng tiến bộ qua từng bài học thậm chí còn hiệu quả hơn. Bằng cách sử dụng các bài đánh giá quá trình hàng ngày với học sinh của mình, tôi có thể thực sự hiểu được nhu cầu giáo dục của tất cả học sinh trong lớp của tôi. Tôi biết nơi để gặp chúng và sau đó có thể làm việc một cách có chiến lược để phát triển một kế hoạch giúp chúng đạt được mục tiêu học tập của mình.

“Ghi chú vụn vặt”

(Cindy Garcia là một nhà giáo dục song ngữ trong 15 năm và hiện là một chuyên gia cấp quận về song ngữ Pk-6/ Toán ESL.. Cô ấy chia sẻ trên Twitter @CindyGarciaTX và trên Blog của mình)

Là một giáo viên đứng lớp và là một người hướng dẫn, tôi nhận thấy rằng dữ liệu mạnh mẽ nhất là dữ liệu thu thập được từ các bài học toàn nhóm, hướng dẫn trong nhóm nhỏ và công việc độc lập.

Trong mỗi bài học, đánh giá quá trình thông qua sử dụng các vấn đề mở có thể giúp xác định xem học sinh có đang hiểu và có thể áp dụng những gì đang được dạy hay không. Dữ liệu này có thể được giáo viên sử dụng để điều chỉnh kế hoạch bài học cho ngày hôm sau và xác định cách học sinh cần được phân nhóm để hướng dẫn ở quy mô nhóm nhỏ.

Hướng dẫn nhóm nhỏ nên linh hoạt và có mục tiêu để giải quyết những nhận thức không đúng

của từng học sinh cụ thể. Các ghi chú vụn vặt trong các nhóm nhỏ cũng có thể được sử dụng để xem liệu học sinh có tiến bộ hay không và các chiến lược đang được áp dụng có hiệu quả hay không. Ghi chú có thể là những mô tả ngắn gọn về cách học sinh sử dụng các chiến lược, loại lỗi học sinh đang mắc phải, loại lỗi nào học sinh không còn mắc phải và vấn đề cụ thể mà học sinh đang vướng.

Cho dù đó là hoạt động công việc hay nhiệm vụ bài học, làm việc độc lập có thể là một điểm dữ liệu tuyệt vời để xem học sinh có thể làm gì khi không có sự hỗ trợ của giáo viên. Làm việc độc lập sẽ cho phép học sinh thể hiện những gì chúng đang nghĩ, quá trình giải pháp của chúng và phản ứng cuối cùng của chúng. Khi học sinh đang hoàn thành công việc độc lập của mình, giáo viên có thể xác định những hỗ trợ bổ sung nào có thể cần, những gì cần được hướng dẫn lại hoặc gia cố và những học sinh nào có thể cần hỗ trợ thêm về nội dung.

Đánh giá tổng kết vào cuối bài học có thể là nguồn dữ liệu cuối cùng để xác định mức độ hiểu và nắm vững khái niệm của học sinh. Sau khi đánh giá được giáo viên cho điểm, thì giáo viên có thể trao đổi đàm luận với học sinh. Việc trao đổi cung cấp cho giáo viên tìm hiểu sâu hơn về các mục được đánh giá không chính xác và xác định được các nhận thức không đúng của học sinh. Dữ liệu này cho phép giáo viên lập kế hoạch can thiệp và ghi nhớ khi lập kế hoạch cho các bài học.

“Kiểm tra mức độ hiểu bài”

(Deedy Camarena là điều phối viên phát triển ngôn ngữ Anh (ELD), song ngữ và ngôn ngữ thế giới tại Văn phòng Giáo dục hạt Santa Clara. Cô đã làm việc chặt chẽ với hiệu trưởng, giáo viên và các bên liên quan khác để đánh giá nhu cầu của học sinh và các cán bộ của trường)

Để có một bức tranh rõ ràng về thế mạnh và lĩnh vực tăng trưởng của học sinh, dữ liệu được yêu cầu như một thông tin đầu vào xuất phát điểm. Các nhà giáo dục có nhiều dữ liệu khác nhau theo ý của họ để phân tích và đánh giá cho mục đích giảng dạy. Bằng cách thu thập và sử dụng dữ liệu đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, tôi đã tạo ra một môi trường học tập thành công cho học sinh của mình.

Sử dụng dữ liệu đánh giá quá trình hàng ngày là rất quan trọng để hiểu và hỗ trợ học sinh. Một loại đánh giá quá trình là kiểm tra mức độ hiểu bài. Trên ASCD.org, Douglas Fisher và Nancy Frey tuyên bố rằng “kiểm tra mức độ hiểu bài là một phần của hệ thống đánh giá quá trình trong đó giáo viên xác định mục tiêu học tập, cung cấp phản hồi cho học sinh và sau đó lập kế hoạch giảng dạy dựa trên lỗi và nhận thức sai của học sinh.” Một phương pháp tôi sử dụng để thực hiện kiểm tra mức độ hiểu bài là dùng bảng trắng. Các bảng trắng cung cấp thông tin phản hồi ngay lập tức cũng như xác định các lỗi và nhận thức sai xuất hiện trong lớp học. Học sinh viết câu trả lời cho câu hỏi được đặt ra vào các bảng trắng. Sau khi tôi đếm đến ba, học sinh sẽ đưa ra câu trả lời của mình. Tôi có thể dễ dàng và nhanh chóng thấy học sinh nào hiểu và học sinh nào cần được hỗ trợ và thực hành nhiều hơn.

Một loại dữ liệu đánh giá quá trình khác mà tôi đã sử dụng để kiểm tra mức độ hiểu bài là thăm dò ý kiến. Tôi đã sử dụng các nền tảng như Poll Everywhere và Kahoot, cũng như các hoạt động trong lớp như Four Corners, Take a Stand hoặc Stand up and Share. Trong suốt các hoạt động này, tôi đã cung cấp phản hồi kịp thời và hỗ trợ đúng lúc cần thiết. Những loại dữ liệu này đã cung cấp thông tin về bài giảng của tôi hàng ngày và cho phép tôi thấy những điểm mạnh và lĩnh vực tiến bộ của mỗi học sinh.

Dữ liệu đánh giá tổng kết cũng cần thiết để xây

dựng các mục tiêu học tập cá nhân và hướng dẫn giảng dạy. Đối với người học tiếng Anh, dữ liệu đánh giá ngôn ngữ như Đánh giá trình độ tiếng Anh của California (ELPAC) cung cấp dữ liệu về nghe, nói, đọc và viết. Dữ liệu này, hoặc đánh giá bài học / xếp loại, cho phép tôi cung cấp phản hồi hoặc như John Hattie đã dùng từ điều chỉnh tương lai (feed-forward). Điều chỉnh tương lai (feed-forward) khuyến khích học sinh suy nghĩ về đích họ muốn đến tiếp theo trong quá trình học của họ.

Sau khi các học sinh phản ánh về các câu hỏi về điều chỉnh tương lai, tôi đã tiến hành các thảo luận thiết lập mục tiêu một đối một với học sinh của mình, trao đổi về các câu trả lời có tính điều chỉnh hướng về tương lai và hướng dẫn các câu

hỏi thúc đẩy học sinh phản ánh các điều chỉnh hướng về tương lai của họ. Điều này thúc đẩy học sinh phản ánh sự tiến bộ của họ và chọn mục tiêu của riêng họ trong việc học. Mục tiêu của học sinh cho phép tôi thích nghi, hướng dẫn và cá nhân hóa việc giảng dạy để đáp ứng nhu cầu của học sinh, tạo ra một lớp học lấy học sinh làm trung tâm.

Dữ liệu được thu thập từ các bài đánh giá quá trình và tổng kết cho phép tôi hiểu học sinh sâu hơn và học cùng học sinh của mình. Sử dụng các nền tảng và hoạt động để thực hiện kiểm tra mức độ hiểu bài, và các giao thức thiết lập mục tiêu và hướng dẫn các câu hỏi để thực hiện các trao đổi một đối một với học sinh, đã được chứng minh là thành công.



GIÚP HỌC SINH VƯỢT QUA NỖ LO THI CỬ

¹Meagan Gillmore | Thùy Anh lược dịch

Các bài kiểm tra luôn tạo ra tâm lý lo lắng cho cả giáo viên và học sinh. Ngày càng có nhiều các bài đánh giá năng lực theo tiêu chuẩn và những báo cáo về vấn đề sức khỏe tâm lý diễn ra ở trẻ em và thanh thiếu niên. Điều này làm cho tình hình càng trở nên căng thẳng hơn. Tuy không phải là những nhà tâm lý học nhưng giáo viên có thể kết hợp chặt chẽ các chiến lược để giúp học sinh ở bất kể khối học nào thành công trong việc vượt qua nỗi lo thi cử.

Dù tốt hay xấu thì cả bài kiểm tra và các nỗi lo lắng đều là một phần của cuộc sống học đường. Mỗi thứ đều có những lợi ích riêng. Cô Jennifer M. Cooper, trợ lý giáo sư tâm lý học đường tại Đại học National Louis ở Illinois, cho biết: mức độ lo lắng vừa phải giúp tăng khả năng tập trung, ghi nhớ và tạo động lực. Cô nói: “Thực ra, tâm lý lo lắng giúp ngăn ngừa các tác hại”. Khi nỗi lo cản trở khả năng làm việc của một người thì rắc rối sẽ nảy sinh. Học sinh không thể tránh khỏi căng thẳng, nhưng các em cần học cách quản lý nỗi lo của mình.

Cô Cooper cũng nói rằng các bài kiểm tra đều có mục đích. Chúng có thể giúp cả học sinh và giáo viên xác định mức độ hiểu bài của các em. Cô Cooper chia sẻ, điều quan trọng là đảm bảo tính khách quan của những đánh giá đó.

Cô nói, giáo viên thường là “người phản ứng đầu tiên” khi nhận ra các triệu chứng của sự lo lắng. Học sinh với tâm lý lo lắng có thể khó tập trung khi làm bài kiểm tra và quên những kiến thức mà họ đã được học. Các em có thể bồn chồn, đổ mồ hôi hoặc buồn nôn.

Sự gấn bó gấn gù của giáo viên với học sinh khiến họ trở thành những người có thể giúp ngăn ngừa nỗi lo ở học sinh. Đầu tiên, giáo viên nên

bắt đầu bằng việc dạy học sinh chuẩn bị thật kỹ cho các bài kiểm tra.

Cô Cooper nói: “Đôi khi chúng ta thường nghĩ rằng những khả năng học tập này là bẩm sinh và không cần phải dạy một cách rõ ràng. Thế nhưng học sinh cần được hướng dẫn kỹ về cách làm sao để học tốt. Thầy cô cần dạy học sinh cách tự tạo và đọc hiểu hướng dẫn học, cách lập thời gian biểu phù hợp, sắp xếp nơi học lý tưởng và khuyến khích học sinh làm việc theo nhóm. Không chỉ vậy, học sinh cần được giải thích các chiến lược về cách làm bài kiểm tra, chẳng hạn như bắt đầu với những câu hỏi dễ, khoanh tròn các cụm từ chính trong câu hỏi, chia thời gian cho mỗi phần trong bài kiểm tra và đến phòng thi trước giờ quy định — nhưng không quá sớm. Cô Cooper nói, việc có quá nhiều thời gian trước một bài kiểm tra có thể khiến học sinh chìm đắm hơn trong những suy nghĩ lo lắng.

Giáo viên cũng có thể thiết kế các bài kiểm tra theo những cách giúp giảm bớt căng thẳng. Điều này có nghĩa là chú ý đến thiết kế bên ngoài: không dùng nhiều mực trong các trang. Ngoài ra, giáo viên nên đưa ra các câu hỏi thích hợp, tránh những câu hỏi đánh lừa và sử dụng các dạng câu hỏi khác nhau cho phép học sinh thể hiện những gì họ biết theo những cách khác nhau. Một mục hài hước có thể làm dịu tâm trạng và giúp học sinh thư giãn.

Cô Cooper chia sẻ thêm, điều tốt nhất mà giáo viên có thể làm là tạo ra một môi trường lớp học tích cực, ưu tiên các kỹ năng và trao thưởng cho sự nỗ lực hơn là thành tích của các bài kiểm tra. Các thầy cô nên tránh mĩa mai, chế giễu, và không so sánh các học sinh với nhau một cách không phù hợp. Việc công khai danh sách điểm của cả lớp cũng có thể không mang lại tác dụng trong việc giảm căng thẳng cho học sinh.

1 Nguồn: <https://teachmag.com/archives/9891>

Môi trường lớp học mang tính hỗ trợ rất quan trọng vì không phải tất cả các dấu hiệu lo lắng đều có thể nhìn thấy được. Sự lo lắng thường thể hiện qua việc học sinh suy nghĩ hoặc nói những điều tiêu cực về bản thân hoặc người khác. Điều này có thể khó phát hiện hơn — và tất cả học sinh đều có thể dễ mắc phải điều này. Cô Cooper nói, một số học sinh trì hoãn việc học, không phải vì các em lười mà vì lo lắng. Những học sinh đã có sẵn chứng lo âu hoặc rối loạn tập trung có thể dễ bị lo lắng hơn khi làm bài kiểm tra. Đồng thời, cô cho biết, giáo viên nên quan tâm những học sinh thường xuyên đạt điểm cao có thể thường xuyên cảm thấy lo lắng. Không phải lúc nào các em ấy cũng có thể duy trì phong độ của mình.

Giáo viên cần nói chuyện với học sinh nếu phát hiện ra điều gì đó có thể là dấu hiệu của sự lo lắng. Nhưng họ cũng cần nhờ đến sự trợ giúp của chuyên gia để hỗ trợ những sinh viên đang phải vật lộn với nỗi lo. Cô Cooper nói rằng trường học thường trở thành “trung tâm sức khỏe tâm lý thực tế”. Đây chính là nơi mà học sinh nhận được hỗ trợ về mặt tinh thần và xã hội. Giáo viên cần liên hệ với các chuyên gia tâm lý học đường và tìm các nguồn lực để giúp họ hỗ trợ học sinh của mình.

Các nguồn tài liệu có thể bao gồm các câu đố để xác định xem học sinh có đang lo lắng hay không. Những bài đánh giá này có thể hỏi học sinh mức độ xác định của họ thông qua những câu trả lời về khả năng làm bài kiểm tra (ví dụ: “Con thường làm tốt trong các bài kiểm tra” hoặc “Tôi cảm thấy mình không thể đạt được trong bài kiểm tra”). Thấy cô cũng có thể hỏi học sinh về cách các em nghĩ những người khác sẽ phản ứng với kết quả bài kiểm tra của mình bằng những câu như “Nếu con trượt một bài kiểm tra, con sợ mọi người sẽ thấy con vô dụng” hoặc “Tôi lo lắng rằng thành tích thấp trong các bài kiểm tra sẽ khiến con xấu hổ với mọi người.”

Giáo viên có thể khuyến khích học sinh viết những lời tích cực về bản thân để động viên và nhắc nhở các em về cách chuẩn bị cho các bài kiểm tra. Những yếu tố kết hợp mà giáo viên nên giải quyết trước khi lên lớp: nhắc nhở về thiết bị ghi nhớ và các chiến lược làm bài kiểm tra hữu ích, chẳng hạn như nhớ đọc kỹ từng câu hỏi và không dành quá nhiều thời gian vào những câu hỏi khó. Chúng cũng nên kèm theo những lời nhắc nhở về cách học sinh có thể thư giãn, như hít thở sâu, và luôn tự động viên bản thân những câu nói rõ ràng, tích cực, mang tính hỗ trợ như “Bài kiểm tra này sẽ diễn ra tốt đẹp khi mình bình tĩnh. Mình có thể làm được, ”hoặc” Mình biết kiến thức này và tôi cảm thấy hài lòng về bài kiểm tra”.



GIẢNG DẠY CHO CÁC LỚP HỌC TRỘN ĐỘ TUỔI

Rebecca Vukovic | Minh Trang dịch

Một phỏng vấn của TeacherMag với Lisa Seewraj, giáo viên Child Side Playground and School ở Boyanup nằm phía Tây Australia, cách Nam Perth khoảng 200 km. Child Side là một trường tư cung cấp chương trình đào tạo cho cả nam và nữ từ mẫu giáo đến lớp 10.

Trường được thành lập năm 2002 với trọng tâm giáo dục là xây dựng các mối quan hệ, sự gắn bó và kết nối giữa người với người. Karron McDonald và Leonie O'Connell - đồng sáng lập và cũng là đồng hiệu trưởng của trường nói họ thực sự tin rằng không chỉ đối với họ mà còn nên đối với cả học sinh, câu chuyện của mỗi cá nhân đều đáng quý, đáng nghe. Họ muốn giúp trẻ trân quý chính câu chuyện của mình, tự tin chia sẻ và nâng niu giá trị của chúng hơn hết thảy những quyển sổ liên lạc, thứ hạng, điểm số hay các số liệu thống kê và dữ liệu khác.

Lisa Seewraj đang dạy một lớp trộn độ tuổi gồm 23 học sinh từ lớp 7 đến lớp 10. Cô phụ trách lớp cùng một giáo viên khác - người chịu trách nhiệm dạy môn toán và khoa học cho lớp. Hai cô có mặt ở lớp hầu hết cả tuần. Tới năm nay, Lisa cũng đã gắn bó với lớp học này được 4 năm. Trong tập hôm nay, chúng ta sẽ cùng nghe cô chia sẻ về cách cô quản lý lớp học, trình độ của các học sinh trong lớp, và cách cô cung cấp bài giảng và bài tập phù hợp với trình độ của mỗi học sinh để giúp các em tiến bộ. Bắt đầu thôi!

Rebecca Vukovic (RV); Lisa Seewraj (LS)

RV: Chào LS, cảm ơn bạn vì đã dành thời gian cho Tạp chí *Teacher* hôm nay.

LS: Cảm ơn vì đã mời tôi hôm nay, Rebecca.

RV: Để bắt đầu chương trình, bạn có thể giới thiệu một chút về ngôi trường đang công tác và lớp học của mình không?

LS: Chắc chắn rồi. Trường chúng tôi được 2 nhà giáo dục rất tận tâm và tiến bộ là Karron McDonald và Leonie O'Connell - những người thực sự muốn đưa phương pháp lấy học sinh làm trung tâm vào thực tiễn - thành lập năm 2002. Họ nhận thấy bản thân đã không có cơ hội làm những gì họ cho là quan trọng trong lớp học nên quyết định tách ra và tự mình hiện thực hóa mong muốn ấp ủ bấy lâu.

Ngôi trường nhỏ thôi và học sinh thì đa nhóm tuổi. Hiện tại chúng tôi có 3 khối và như tôi nói đó, một lớp học gồm nhiều học sinh ở các độ tuổi khác nhau.

RV: Cơ duyên nào đưa bạn tới với ngôi trường này?

LS: Ngày đó, tôi vừa đi học vừa đi dạy nên đã sớm tích lũy được nhiều trải nghiệm trong môi trường giáo dục truyền thống. Cùng lúc, tôi cũng đang tìm kiếm một môi trường làm việc khác hợp với triết lý giáo dục của riêng mình. Và, tôi được nhận vào Child Side. Thực sự rất hợp với tôi! Tôi thấy mình vô cùng may mắn khi được công tác ở đây từ 2007 đến tận bây giờ.

RV: Giờ, hãy chia sẻ thêm về lớp học của bạn nhé! Tôi biết bạn đang dạy một lớp trộn độ tuổi của các em từ lớp 7 đến 10. Tuy nhiên, trước khi đi vào cách bạn vận hành lớp học mỗi ngày, bạn có thể nói cho tôi nghe về học sinh của mình không?

LS: Tất nhiên rồi. Tôi đang dạy các em khối trung học. Và rõ ràng là các em đã học ở đây từ bé, thậm chí còn có thể nói, các em lớn lên ở ngôi trường này nên hai bên đối đối với nhau đã quen thuộc rồi. Tuy nhiên, chúng tôi cũng có rất nhiều em mới, đặc biệt là các em bắt đầu vào từ trung học. Học sinh mới chuyển đến rải rác xuyên suốt năm học.

Đó là một sự hòa trộn. Tôi nghĩ số em nam và nữ tương đương nhau. Có những em phải mất tới một giờ để đến trường, trong khi, một vài chỉ cách đây đúng một con đường. Có em xuất thân

từ gia đình làm nông trong khi vài em khác đến từ những gia đình vùng ngoại ô. Một lớp học thực sự đa dạng.

RV: Tôi rất muốn biết cách lớp học của bạn vận hành mỗi ngày. Bạn làm thế nào để quản lý lớp học và đảm bảo dạy được tất cả các em thế?

LS: Có 1 điều tôi nghĩ cần nhấn mạnh, đó là: dù bạn dạy học sinh ở trình độ nào, cấp lớp nào, không bao giờ chỉ có một trình độ đồng đều trong lớp. Chúng ta có thể cùng đồng ý rằng tôi chỉ đang dạy một lớp toàn các em học sinh lớp 7, vậy mà lại có đâu đó khoảng 6 bậc trình độ khác nhau trong một lớp. Không phải một khám phá mới mẻ gì khi nhắc tới các lớp học trộn độ tuổi. Chắc khác biệt duy nhất là số lượng trình độ tăng lên đáng kể khi có tận 3 cấp ở - từ 7 đến 10 trong cùng một lớp học

Chúng tôi quản lý bằng cách, đầu tiên, chúng tôi có "shape of the day", căn bản nó là thời khóa biểu nhưng linh hoạt hơn một chút. Vậy là chúng tôi dựng lên một lộ trình linh hoạt cho cả ngày, rồi đến cả tuần; đồng nghĩa với việc chúng tôi nắm bắt được toàn bộ các hoạt động dành cho từng nhóm học sinh hoặc nếu cần sẽ chia nhóm tùy thuộc vào trình độ.

Vì các em học lớp 7 đến 10 nên điều thú vị ở đây là chúng tôi không nhất thiết phải chia lớp theo độ tuổi, thay vào đó là theo trình độ, sở thích hoặc dựa trên nhu cầu cảm xúc hay thể chất ngay tại một thời điểm xác định. Chúng tôi có thể lồng ghép nhu cầu của các em với nhau.

RV: Vậy, việc phân chia nhóm không nhất thiết phải dựa theo độ tuổi mà dựa vào trình độ như bạn chia sẻ bên trên. Tôi rất muốn được nghe thêm về các tiêu chí sắp xếp để nắm rõ hơn học lực của học sinh trong lớp. Một học sinh chậm hơn so với các bạn khác sẽ tham gia những hoạt động nào?

LS: Chúng tôi không chỉ trộn trong phạm vi một

lớp học mà còn có thể mở rộng ra toàn khối, ở đây chúng ta có các em từ lớp 7 đến 10, nên phạm vi thậm chí còn thể rộng ra toàn trường. Vì vậy, một trong những cơ hội tốt cho những học sinh trình độ yếu hơn hoặc ngay cả những em cần phát triển thêm kỹ năng ở các lĩnh vực khác (đây cũng là điều chúng tôi chú trọng) là các em có thể học và giao lưu với các bạn ở nhiều độ tuổi, rộng hơn, là các bạn cùng trường. Các em có thể thực sự đóng vai trò là người dẫn dắt nên mọi thứ không chỉ dừng lại ở việc "em học chậm hơn nên cần đóng thêm học phí để trau dồi các kỹ năng khác". Đó chắc chắn là trải nghiệm tích cực cho học sinh bởi các em có thể tự mình "gây dựng" một lộ trình học tập sao cho phù hợp với trình độ và mong muốn cá nhân.

RV: Bạn có thể đưa ví dụ cụ thể không? Và, làm cách nào để nó trở thành một trải nghiệm lý thú và bổ ích đối với trẻ?

LS: Chắc chắn rồi. Lấy hoạt động hướng dẫn các nhóm nhỏ hơn làm toán nhé. Ví dụ, một em cần củng cố các khái niệm toán đã học sẽ được ghép nhóm với các em nhỏ hơn.

RV: Ngược lại, đối với các em học tốt hơn thì sao? Làm cách nào để các em giữ tập trung và cảm thấy hứng thú trong giờ học?

LS: Gần đây, chúng tôi có nhiều em thực sự đạt được hiệu quả học tập rất cao. Các em đang tìm thêm tài liệu học nên chúng tôi đã sử dụng những trang như Coursera, để các em học thêm, từ đó giữ được "lửa học". Có những em giờ đã học đến trình độ cận đại học (khoảng lớp 11, 12) rồi, thậm chí có em đã học tới chương trình năm nhất đại học. Thật sự rất giỏi. Nhưng rõ ràng, không phải em nào cũng muốn học hoặc cần học đến trình độ cao như vậy. Chúng có khi còn cảm thấy chán nản. Và vì chúng tôi đủ khả năng giảng dạy dựa trên nhu cầu của học sinh, đồng thời cá nhân hóa chương trình học cho từng em nên em nào muốn và đủ khả năng, chúng tôi đều sẵn lòng hỗ trợ.

RV: Như bạn chia sẻ, bạn đang làm việc với nhiều học sinh cùng lúc, có em mới đang ở trình độ trung học cơ sở, có em đã học tới trình độ cận đại học, do đó, việc cá nhân hóa cách phương thức giảng dạy là vô cùng quan trọng. Nhưng để làm được việc đó, bạn cần đặt ra đích đến trên hành trình học tập của các em. Việc này được thực hiện ra sao trong lớp của bạn?

LS: Một câu hỏi hay. Tôi đoán ý của bạn là “làm sao đánh giá được chính xác học lực của tất cả học sinh?”. Có rất nhiều cách và chúng tôi cũng không xác định duy nhất một kết quả. Chẳng hạn, chúng tôi sẽ áp dụng đa dạng các cách đánh giá xuyên suốt quá trình học tập của học sinh. Hãy nhớ rằng lũ trẻ có thể đã dành tới 4 năm ở đây rồi, do đó, chúng tôi hiểu rất rõ các em. Thay vì chỉ chú trọng đến các số liệu thống kê, điều chúng tôi thực sự mong đợi và quan tâm là sự tiến bộ của học sinh.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng có thể sử dụng một vài website học trực tuyến có chương trình học bài bản như Mathletics, Word Flyers, hay Read-Theory để so sánh điểm số, từ đó biết được chính xác “học sinh đang ở đâu” trên lộ trình học. Tuy vậy, bởi chúng tôi hiểu rất rõ các em nên không khó để nhanh chóng tự mình xây dựng các bài kiểm tra đánh giá học lực của học sinh. Vì sĩ số không đông nên chúng tôi có rất nhiều cơ hội trò chuyện với lũ trẻ. Chúng tôi dành thời gian ngồi lại và trò chuyện nên không khó để nhìn thấy các em tiến bộ ra sao từ lớp 7 đến 10. Chúng tôi còn giữ cả video để có thể xem lại cả quá trình trưởng thành của các em. Thay vì cấp lớp hay thành tích, chúng tôi mong muốn nhìn thấy sự tiến bộ của cá nhân học sinh.

RV: Thấu hiểu học sinh là điều vô cùng quan trọng để có thể tạo ra các thử thách phù hợp với trình độ của từng em.

LS: Vâng, tất nhiên rồi. Chúng tôi có thể làm điều đó bằng cách tích hợp các hoạt động bạn có hướng tiếp cận sâu rộng và đa dạng vào chương

trình giảng dạy. Và, qua nhiều công đoạn đánh giá kế hoạch đầu năm và chương trình giảng dạy, chúng tôi có thể thực sự đảm bảo bao trùm được hết các nội dung cần thiết trong chương trình giảng dạy chung ban hành trên toàn nước Úc.

RV: Như mọi giáo viên khác, bạn phải đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình giảng dạy của năm học. Tôi thắc mắc bạn làm cách nào để đảm bảo rằng trong lớp, mình truyền tải đầy đủ kiến thức cần thiết theo chương trình?

LS: Như tôi đã chia sẻ trước đó, chúng tôi đánh giá chương trình giảng dạy định kỳ. Chỉ để đảm bảo rằng chúng tôi vẫn thực hiện khâu này thường xuyên, tiến sĩ Marie Martin sẽ tới và làm việc với chúng tôi 2 ngày mỗi kỳ học, rà soát lại một lượt toàn bộ chương trình và kế hoạch. Bên cạnh đó, chúng tôi tích hợp nhiều môn học với nhau thay vì tách biệt từng môn theo cách truyền thống “sắp tới là tiết khoa học, sau đó là tiết toán”. Chúng tôi cố gắng tích hợp các môn học sao cho thú vị và thực tế đối với học sinh.

Ví dụ, qua các dự án vườn bếp, chúng tôi lồng ghép các dự án xây dựng đang thực hiện luôn có sự tham gia của các em. Chúng tôi đặt các đầu mục cần đánh giá và vẫn tiếp tục thực hiện NAPLAN đáp ứng đủ các tiêu chí của các trường khác. Do đó, chúng tôi chắc chắn đủ khả năng xây dựng các khung tiêu chí và đánh giá. Tất nhiên, chúng tôi sẽ chia thành nhiều khâu đánh giá để so sánh trình độ, đồng thời đảm bảo đáp ứng tốt các tiêu chí đánh giá bắt buộc.

RV: Lisa này, chúng ta đã nói rất nhiều về các khía cạnh học thuật. Tuy nhiên, tôi cũng có nhiều thắc mắc về 2 khía cạnh khác là giao tiếp và xã hội. Tôi đoán các em cũng đang ở nhiều giai đoạn phát triển bản thân khác nhau. Các em trong lớp được hỗ trợ thế nào?

LS: Đây mới chính là mấu chốt khiến tôi nhận ra mình đang giảng dạy trong một lớp học trộn độ tuổi. Đó là một trải nghiệm đặc biệt bởi lẽ nó

cho phép bạn tiếp cận và khám phá nhiều khía cạnh của các mối quan hệ ngay trong cuộc sống đời thường; từ đó, sự học mới khả thi. Chúng tôi đặt kỳ vọng lớn vào [Chương trình giáo dục quốc gia của Úc] Năng lực chung. Sự thực là tư duy đó cũng chính là tiền đề và hướng đi khi thành lập trường - hướng trọng tâm vào các mối quan hệ, liên kết và giá trị giữa trẻ với trẻ.

RV: Cha mẹ và người chăm sóc cũng góp một phần không nhỏ trong quá trình trưởng thành của các em. Dưới cương vị là người hướng dẫn và hỗ trợ các em trong học tập, bạn đã làm việc với các phụ huynh thế nào?

LS: Chúng tôi nỗ lực xây dựng và khuyến khích việc trao đổi giữa phụ huynh và giáo viên. Chúng tôi có chính sách mở cửa nên phụ huynh thực sự được khuyến khích tới lớp và học cùng con. Chúng tôi dành rất nhiều tâm huyết để xây dựng và duy trì một cộng đồng trong phạm vi trường học. Trước khi đại dịch ập tới, chúng tôi đã tổ chức được các buổi hội chợ hàng tháng. Gia đình các em có thể tới và dạo quanh các sạp hàng bày trí các sản phẩm do chính học sinh góp công tạo nên và bán hàng. Hoạt động này cũng là một phần trong chương trình đào tạo kiến thức tài chính tích hợp của chúng tôi.

Chúng tôi cố gắng và tiếp cận học sinh theo hướng làm nhóm. Giáo viên và phụ huynh duy trì mối liên hệ chặt chẽ để đảm bảo mọi vấn đề và vướng mắc của học sinh đều được giải quyết kịp thời và hiệu quả.

RV: Liên kết đôi bên vô cùng quan trọng. Lisa, tôi muốn bạn chia sẻ suy nghĩ của mình về các lớp học trộn độ tuổi. Một vài người cho rằng giáo viên sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi phải quản lý cùng lúc nhiều hoạt động của học sinh ở các trình độ khác nhau, nhưng có một sự thật là, khi chúng ta vẫn còn đang bàn luận về vấn đề này thì các bạn đã hiện thực hóa và triển khai nó được 8 năm rồi. Bạn có gợi ý thiết thực nào để tổ chức các lớp học

trộn tuổi hiệu quả không?

LS: Dục tốc bất đạt, không có gì làm ngay một ngày hai mà thành công được. Cá nhân tôi cho rằng vấn đề này một lần nữa đưa chúng ta quay về những nền tảng chung mang tính tiên quyết. Rằng bạn phải tạo dựng được văn hóa hợp tác trong lớp để mọi thứ "vào guồng". Lũ trẻ cần phải thoải mái làm việc với tất cả mọi người vì sau này chúng không thể lựa làm việc cùng ai. Điều đó lý giải cho những nỗ lực của chúng tôi trong việc phát triển các kỹ năng mềm cho học sinh. Các em cần làm quen ngay từ bây giờ.

Các em cũng phải cảm thấy thoải mái khi tìm kiếm sự giúp đỡ bởi sau này, sẽ có những lúc trên "chiến tuyến" chỉ có mình chúng mà thôi. Nó liên quan nhiều đến việc gắn công việc vào lịch trình thường nhật, cũng như việc làm sâu sắc thêm mối liên kết giữa học sinh với học sinh và giáo viên với học sinh. Nếu trẻ không được trang bị kỹ năng hợp tác thì sẽ rất khó để trẻ phát triển khả năng hòa nhập, quản lý bản thân, cảm xúc, hay quan hệ với xã hội. Đó chính là "nền tảng chung" mà tôi nhắc đến khi này để thực sự hiện thực hóa các hoạt động đa trình độ bạn muốn áp dụng với trẻ.

The **LEGO®** Idea
Conference 2020

Making **creativity** **happen**

[30+ FRAMEWORKS GIÁO DỤC] - KỲ 19: KHUNG KỸ NĂNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CỦA TỔ CHỨC LEGO

Linh Chi

Khung Kỹ năng Phát triển Toàn diện của Tổ chức LEGO phác thảo một tập hợp các kỹ năng cần thiết cho sự phát triển tích cực của trẻ và có thể được thúc đẩy thông qua các trải nghiệm học tập vui nhộn.

Được phát triển bởi: LEGO Foundation - một Tổ chức Doanh nghiệp Đan Mạch tập trung vào việc định hình lại cách chơi và hình dung lại việc học để đảm bảo trẻ em xây dựng các kỹ năng cần thiết để phát triển và thành công.

Mục đích: Nêu bật tầm quan trọng của các kỹ năng thể chất, xã hội, nhận thức, sáng tạo và cảm xúc đối với việc học tập và phát triển của trẻ em cũng như cách chúng bổ sung và tương tác lẫn nhau.

Độ tuổi áp dụng: Mầm non, trẻ ở độ tuổi đi học

Triết lý giáo dục: Học tập không chỉ dừng lại ở các nội dung học thuật, khuôn khổ này tập trung vào năm kỹ năng rộng và liên kết với nhau để trao quyền cho trẻ em trở thành người học sáng tạo, gắn bó và suốt đời. Trong đó, vui chơi là công cụ quan trọng để thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng ở trẻ.

Nội dung

Khuôn khổ này xây dựng những tài liệu mô tả chi tiết về các hoạt động chơi cho trẻ và các kỹ năng cần thiết cho sự phát triển toàn diện. Trong đó Đặc điểm của những trải nghiệm chơi có ý nghĩa:

- Vui nhộn
- Gắn kết một cách chủ động
- Có ý nghĩa
- Lặp đi lặp lại
- Có sự tương tác xã hội

Các kỹ năng cần thiết cho sự phát triển toàn diện:

- Các kỹ năng cảm xúc
- Các kỹ năng nhận thức

- Các kỹ năng thể chất
- Các kỹ năng xã hội
- Các kỹ năng sáng tạo

Tài nguyên sẵn có

LEGO Foundation cung cấp trên website các ý tưởng vui chơi cho cả môi trường gia đình và trường học; các bài viết về chủ đề học thông qua chơi, về sự phát triển các kỹ năng và lợi ích của vui chơi đối với cuộc sống của trẻ; các báo cáo nghiên cứu, sách trắng (các báo cáo tổng quan về một chủ đề nhất định) và các tài liệu về hoạt động vui chơi; các video về dự án và ý tưởng hoạt động cho trẻ. <https://www.legofoundation.com/en>

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Nguyễn Linh Chi

Dương Phú Việt Anh | Hogwarts

Ngô Thị Thanh Tùng | VNIES

Nguyễn Thúy Quỳnh | EdLab Asia

Phan Mai Anh | Cùng học

Trịnh Minh Châu | Cùng học

LISA | Cùng học

Vũ Minh Khuê | EdLab Asia

Nguyễn Minh Trang | EdLab Asia

Vũ Đức Hà | The Lyceum

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đầu tư & học

“Học để Dạy, và Dạy để Học”